

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦN GIUỘC,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07/9/2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦN GIUỘC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Xuân An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Chí

Ông Bạch Ngọc Bay

- Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 263/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh L.

- *Bị đơn:* Anh Võ Tuấn D, sinh năm 1989;

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Chị B có mặt, anh D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Ngọc B kết hôn với anh Võ Tuấn D, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện C cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/3/2009. Vợ chồng có một người con chung tên H, sinh ngày 08/10/2009.

Nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc B cho rằng khoảng hai năm đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh D không cùng chị chăm lo cho cuộc sống gia đình, bỏ mặc chị một mình lo cho con. Chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh D không thay đổi, do đó vợ chồng thường xuyên cự cãi. Đầu năm 2017, chị có nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án, sau khi Tòa án tiến hành hòa giải chị đã rút lại đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm, nhưng đến nay anh D vẫn không thay đổi. Nay chị B xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh D. Chị yêu

cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không có nợ chung.

Bị đơn – anh Võ Tuấn D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, tuy nhiên anh D không đến Tòa án theo Giấy triệu tập cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị B. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc B khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” với anh Võ Tuấn D, anh D đang cư trú tại xã P, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Võ Tuấn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh D.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Võ Tuấn D tự nguyện kết hôn, và được Ủy ban nhân dân xã L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/3/2009. Qua đó xác định hôn nhân giữa anh D và chị B là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Nguyễn Thị Ngọc B cho rằng quá trình chung sống vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Trước đây chị có nộp đơn khởi kiện xin ly hôn và rút lại đơn khởi kiện để tạo điều kiện vợ chồng cùng giải quyết mâu thuẫn, chung sống hạnh phúc nhưng việc này không có kết quả nên chị tiếp tục nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh D. Tại phiên tòa, chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh D, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D hiện không còn, chị không thể sống chung với anh D. Đối với anh D, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D vẫn không có bất kỳ phản hồi nào về yêu cầu khởi kiện của chị B. Qua đó, thấy rằng trong thời gian qua giữa chị B và anh D không có biện pháp hiệu quả nào để giải quyết mâu thuẫn, anh D không có thiện chí để hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với chị B. Do đó, có đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa anh D và chị B không thể hàn gắn, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử giải quyết cho chị B ly hôn với anh D.

[3] Về con chung: Chị B yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên H, sinh ngày 08/10/2009; cháu H có nguyện vọng sống chung với mẹ; anh D không có ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu H cho chị B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị B, anh D không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Về tài sản chung, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị B

xác định vợ chồng không có nợ chung, anh D không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị B là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 9; Điều 56; các điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc B về việc yêu cầu ly hôn với anh Võ Tuấn D.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc B và anh Võ Tuấn D không còn là vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung tên H, sinh ngày 08/10/2009.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị B đã nộp theo Biên lai thu số 0008936 ngày 01/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc.

Bản án sơ thẩm, chị B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Cần Giuộc;
- THADS huyện Cần Giuộc;
- UBND xã L, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Nguyễn Xuân An